TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 10-01-2020
V/v tranh chấp:
"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Hải

2/ Ông Trần Thanh Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cum Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Anh Lâm Minh Đ, sinh năm 1987; Địa chỉ: 4 khu vực P, phường T, quận C, TP. Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1968. Địa chỉ: 3/1 đường C, khu vực 3, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ – có mặt.

2/ *Bị đơn*: Anh Trương Vĩnh K, sinh năm 1983; Địa chỉ:ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

3/ *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Bé C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 9, ấp K, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có ý kiến yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của ông Lâm Minh Đ ngày 22-10-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06-5-2017, anh Lâm Minh Đ có cho anh Trương Vĩnh K vay số tiền 65.000.000đ, có làm biên nhận nợ; lãi suất thỏa thuận là 5%/ tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả. Từ lúc vay đến nay anh K chưa trả vốn, lãi lần nào. Anh Đ đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh K cố tình né tránh. Nay anh Đ yêu cầu anh K trả vốn 65.000.000đ và lãi suất tính 0,75%/ tháng từ ngày 06-5-2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Đại diện nguyên đơn xác định thời gian tính lãi làm tròn là 31 tháng, tiền lãi tạm tính đến nay (ngày 10-01-2020) là 15.112.500đ. Anh Đ yêu cầu anh K trả tổng cộng là 80.112.500đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Vĩnh K vắng mặt và không có cung cấp văn bản ý kiến nào cho Tòa án.

Theo đơn xác nhận của anh Nguyễn Bé C, sinh năm 1962; Địa chỉ: 9 ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang xác định: Vào ngày 06-5-2017, anh có làm chứng cho anh Lâm Minh Đ cho anh Trương Vĩnh K mượn số tiền 65.000.000đ với lãi suất 5%/ tháng. Nay anh làm đơn này xin Tòa cho anh vắng mặt, vì lý do có công việc làm ăn xa.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; tuy nhiên, thời hạn xét xử còn quá hạn, chưa đúng quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, còn bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Về việc giải quyết vụ án: Anh Trương Vĩnh K vay của anh Lâm Minh Đ số tiền 65.000.000đ và làm biên nhận nợ; có người làm chứng xác nhận nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa, Đại diện nguyên đơn yêu cầu anh K trả tổng số tiền là 80.112.500đ (trong đó: vốn gốc là 65.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.112.500đ) là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Vào ngày 22-10-2018, anh Lâm Minh Đ khởi kiện anh Trương Vĩnh K yêu cầu trả số tiền vay là 65.000.000đ và tính lãi 0,75%/ tháng, tính kể từ ngày 06-5-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, thị trấn P,

huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, anh Lâm Minh Đ khởi kiện yêu cầu anh Trương Vĩnh K trả số tiền vay vốn gốc là 65.000.000đ và anh Đ có cung cấp biên nhận nợ ngày 06-5-2017 (bút lục 06) và có người làm chứng ký tên trong biên nhận nợ là anh Nguyễn Bé C. Đồng thời, anh C cũng có cung cấp ý kiến theo xác nhận ngày 20-6-2019 thể hiện có làm chứng việc anh Đ cho anh K mượn tiền (bút lục 15-16). Hơn nữa, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không có cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến phản bác nào về yêu cầu của nguyên đơn nên xác định anh K có nợ tiền vay của anh Đ theo giấy mượn nợ là sự thật.

[4] Xét về lãi suất: Theo giấy mượn nợ thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng là cao; tuy nhiên, theo đơn khởi kiện của anh Đ chỉ yêu cầu trả lãi theo mức 0,75%/ tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Thời hạn tính lãi kể từ ngày 06-5-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10-01-2020) là 32 tháng 04 ngày; thành tiền lãi: 65.000.000đ x 0,75%/ tháng x (32 tháng + 04 ngày) là 15.665.000đ. Tuy nhiên, Đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu thời hạn tính lãi làm tròn 31 tháng, thành tiền lãi là 15.112.500đ và có lợi cho bị đơn ghi nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 80.112.500đ (trong đó: vốn gốc là 65.000.000đ và tiền lãi là 15.112.500đ) phù hợp với các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147, Điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: (80.112.500đ x 5%) làm tròn 4.006.000đ.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Trương Vĩnh K có trách nhiệm trả cho anh Lâm Minh Đ số tiền 80.112.500đ (Tám chục triệu một trăm mười hai ngàn năm trăm đồng). Trong đó: Vốn gốc là 65.000.000đ và lãi là 15.112.500đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trương Vĩnh K phải chịu 4.006.000 đồng (Bốn triệu không trăm lẽ sáu ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Anh Lâm Minh Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.870.000đ (Một triệu tám trăm bảy chục ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/005432 ngày 21-5-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn, các đương sự được quyền kháng cáo.

4/ Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND. TP/ Cần Thơ;
- VKSND.H/ Phong Điền;
- Chi CTHADS H/ Phong Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lo